

Bản án số: 83/2018/HS-ST

Ngày 23 tháng 8 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH S LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tráng A Lừ và ông Mùi Văn Huấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Nghiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh S La.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH tham gia phiên tòa:* Ông Tưởng Phi Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh S La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1997, tại S La.

Nơi cư trú: Bản T, xã X Nh, huyện VH, tỉnh S La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Đ và bà Vi Thị Ệ; Bị cáo có vợ là Hà Thị T và 01 con;

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến nay. Có mặt.

- *Những người bị hại:*

+ Anh Vi Văn Q. Sinh năm: 1990. Địa chỉ: B B, xã T X, huyện VH, tỉnh S La. Có mặt.

+ Anh Hà Công S. Sinh ngày 20/6/2001. Địa chỉ: B B, xã T X, huyện VH, tỉnh S La. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Hà Công S: Ông Hà Công X. Địa chỉ: B B, xã T X, huyện VH, tỉnh S La. Có mặt.

+ Anh Đinh Công Tr. Sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản Nà Hiêng, xã X Nha, huyện VH, tỉnh S La. Có mặt.

- *Người có QLVLQ:* Ông Phạm Văn Đ, Sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản T, xã X Nh, huyện VH, tỉnh S La. Có mặt.

- Những người làm chứng:

+ Anh Hà Công Gi. Sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản T, xã X Nh, huyện VH, tỉnh S La. Vắng mặt.

+ Anh Lò Văn Tr. Sinh ngày 17/02/2002, địa chỉ: B B, xã T X, huyện VH, tỉnh S La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 20/01/2018, Phạm Văn T điều khiển xe BKS 26G1 – 089.48, có để sẵn trong cốp 01 dao bấm dài khoảng 15cm, chở Hà Văn Th đến B B, xã T X dự đám cưới gia đình Hà Văn M. Trong đám cưới, T có mâu thuẫn và xô sát với Lò Văn Tr. Bị một số bạn của Tr cùng lao đến định đánh T. T chạy ra xe lấy dao trong cốp cho vào Ti quần bên phải quay lại đánh nhau. Do nhóm của Tr nhiều người, lại trời tối, nên T bị đánh đau nhưng không nhận rõ mặt người nào. T khua dao về phía trước tầm ngang bụng, nhưng cũng không biết đâm trúng ai.

Trong nhóm bạn của Lò Văn Tr có Vì Văn Q, Hà Công S lao vào đánh T hỗ trợ cho Tr. T cầm dao đâm một nhát vào bụng S và khua dao đâm vào sườn phải Q. Q dùng tay siết cổ T, ghì xuống rãnh nước. thì bị T đâm tiếp một nhát vào bụng. Trong đám người xem có Đinh Công Tr vào can ngăn, định kéo T ra khỏi rãnh nước thì bị T đâm một nhát vào bụng, sau đó vứt bỏ con dao. Đ nhiều người vào can ngăn, cuộc xô sát kết thúc, mọi người đưa Q, S, Tr đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Tháo Nguyên và đưa T về UBND xã Tân X để giải quyết. Hậu quả của cuộc xô sát:

+ Đinh Công Tr bị đâm thủng bụng, thủng dạ dày, phải mổ gan và tụy, điều trị từ ngày **20 đến ngày 29/01/2018**, chi phí điều trị hết 15.438.000 đồng, yêu cầu T phải bồi thường tổng số tiền 96.000.000 đồng (Bồi thường sức khỏe bị xâm hại là 90.000.000 đồng, thuê xe cấp cứu là 4.300.000 đồng, tiền thuốc là 1.700.000 đồng.

+ Hà Công S điều trị từ ngày **20 đến 29/01/2018** do bị thủng bụng, thủng dạ dày, chi phí điều trị hết 9.708.000 đồng, yêu cầu T phải bồi thường tổng số tiền là 17.000.000 đồng (Bồi thường sức khỏe là 16.000.000 đồng, thuê xe cấp cứu là 1.000.000 đồng.

+ Vì Văn Q điều trị từ ngày **20 đến 26/01/2018** do bị thủng thành bụng, lồng ngực, điều trị hết 4.808.000 đồng, yêu cầu T phải bồi thường tổng số tiền 10.000.000 đồng (Bồi thường sức khỏe là 9.000.000 đồng, thuê xe cấp cứu 1.000.000 đồng.

Phạm Văn T đã thực hiện bồi thường toàn bộ các khoản chi phí theo yêu cầu của các bị hại. Những người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp.

Lò Văn Tr chỉ bị xây xước da ở lưng, không biết do ai gây ra, không phải điều trị, không yêu cầu Đ bồi thường.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện Tr, xác định các dấu vết vụ án nhưng không thu Đ hung khí là con dao T đã dùng phạm tội. Những người bị hại giao nộp các vật chứng gồm: Hà Công S nộp 01 chiếc áo sơ mi; Vì Văn Q giao nộp

01 chiếc áo phong; Đình Công Tr giao nộp 01 chiếc áo len màu đỏ mận.

Kết luận giám định số 36/TgT ngày 09/3/2018 của Trung T Pháp Y, thuộc Sở Y Tế tỉnh S La kết luận: Thương tích vùng ngực, bụng của Vi Văn Q là do tác động tương hỗ của vật có cạnh sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 3% (Ba phần trăm).

Kết luận giám định số 37/TgT ngày 09/3/2018 của Trung T Pháp Y, thuộc Sở Y Tế tỉnh S La kết luận: Thương tích vùng bụng của Hà Công S là do tác động tương hỗ của vật có cạnh sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 57% (Năm mươi bảy phần trăm).

Kết luận giám định số 39/TgT ngày 13/3/2018 của Trung T Pháp Y, thuộc Sở Y Tế tỉnh S La kết luận: Thương tích vùng bụng của Đình Công Tr là do tác động tương hỗ của vật có cạnh sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 70% (Bảy mươi phần trăm).

Cáo trạng số 45/CT – VKS ngày 09/7/2018 của VKSND huyện VH, truy tố Phạm Văn T về tội Cố ý gây thương tích theo điểm d khoản 4 điều 134 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Phạm Văn T và phạm tội Cố ý gây thương tích.

* Áp dụng điểm d khoản 4 điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù.

* Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại những người bị hại: 01 chiếc áo sơ mi trên phần bên phải phía trước có 01 vết rách sắc nhọn chéo chéo dài 03cm cách cạp dưới áo bên phải 17cm; 01 chiếc áo phong trên thân áo phía trước có 03 vết rách sắc nhọn, chéo chéo: Vết thứ nhất dài 03cm, cách cạp áo 25cm, cách bên phải áo 14cm, vết thứ hai dài 02cm, cách cạp áo dài 11cm, cách bên phải áo 23cm, vết thứ 3 dài 2,6cm, cách cạp áo 07cm, cách bên phải áo 22,5cm; 01 chiếc áo len màu đỏ mận trên thân áo có 01 vết rách sắc nhọn dài 03cm, cách cạp áo 09 cm, cách bên phải áo 26cm.

+ Trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn T.

+ Căn cứ điều 584, 585 BLDS Chấp nhận việc bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận Đ việc bồi thường, những người bị hại không yêu cầu bồi thường tiếp.

* *Ý kiến của những người bị hại:* Nhất trí đối với Cáo trạng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Những người bị hại đã Đ gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ chi phí chữa trị và các chi phí khác, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức thấp nhất cho bị cáo.

* *Ý kiến của người có QLNVLQ:* Ông Phạm Văn Đ là người Đ bị cáo ủy quyền thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Đại diện gia đình bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận việc bồi thường. Tại phiên tòa, ông nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ thấp nhất cho bị cáo để sớm trở lại với gia đình và xã hội.

* *Ý kiến của Người đại diện hợp pháp của người bị hại Hà Công S:* Ông Hà Công X nhất trí với việc thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo và những người

bị hại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khi dự đám cưới, Phạm Văn T có mâu thuẫn, xô xát với Lò Văn Tr. Hai người lao vào đánh nhau. Thấy vậy, bạn của Tr là Vì Văn Q và Hà Công S cùng đuổi đánh T. T chạy ra xe cầm dao nhọn quay lại đánh nhau, nhưng vẫn bị bọn Tr, Q, S đánh ngã xuống rãnh. T bị đánh đau, liền lấy dao trong người đâm trọng thương Q, S. Anh Đinh Công Tr là người xem chạy vào định can ngăn, kéo T ra, thì bị T cầm dao đâm trọng thương vào bụng. Hậu quả, Vì Văn Q, Hà Công S, Đinh Công Tr bị thương nặng phải vào viện cấp cứu, Lò Văn Tr bị xây xước nhẹ.

Hành vi dùng hung khí nguy hiểm, gây thương tích cho nhiều người, tỷ lệ thương tích cơ thể đến 70% của Phạm Văn T đã phạm tội Cố ý gây thương tích, Đ quy định tại điểm d khoản 4 điều 134 BLHS 2015. HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát Đ thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tính chất hành vi của bị cáo: Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội, xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của con người Đ pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự địa phương. Cần xử phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường cho những người bị hại để khắc phục hậu quả, Đ những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, lỗi của bị cáo một phần do những người bị hại gây nên, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, nên Đ xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Do có hai tình tiết giảm nhẹ của khoản 1 điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 điều 51, bị cáo sẽ Đ áp dụng điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn.

[4] Về phần dân sự của vụ án: Xét thấy bị cáo và những người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại, các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Xét thấy đây là thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận và không đặt ra vấn đề giải quyết tiếp.

Người có QLNVLQ: Ông Phạm Văn Đ không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại hoặc có nghĩa vụ với khoản tiền đã thực hiện bồi thường cho những người bị hại, không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc áo sơ mi trên phần bên phải phía trước có 01 vết rách sắc nhọn chéch chéo dài 03cm cách cạp dưới áo bên phải 17cm của Hà Công S; 01 chiếc áo phông trên thân áo phía trước có 03 vết rách sắc nhọn, chéch chéo: Vết thứ nhất dài 03cm, cách cạp áo 25cm, cách bên phải áo 14cm, vết thứ hai dài 02cm, cách cạp áo dài 11cm, cách bên phải áo 23cm, vết thứ 3 dài 2,6cm, cách

cạp áo 07cm, cách bên phải áo 22,5cm của Vì Văn Q. 01 chiếc áo len màu đỏ mận trên thân áo có 01 vết rách sắc nhọn dài 03cm, cách cạp áo 09 cm, cách bên phải áo 26cm của Đinh Công Tr, là những tài sản thuộc sở hữu của những người bị hại, cần tuyên trả lại theo yêu cầu của những người bị hại.

01 giấy phép lái xe số 140155010120 mang tên Phạm Văn T, do Sở GTVT tỉnh S La cấp là vật không liên quan đến việc phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo.

Cơ quan điều tra không thu Đ con dao bị cáo dùng để phạm tội, không xử lý.

[6] Về xử phạt vi phạm hành chính: Những người bị hại Vì Văn Q, Hà Công S, Lò Văn Tr gây mất trật tự công cộng, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị Cơ quan điều tra xử phạt hành chính là có căn cứ.

Chấp nhận việc Lò Văn Tr không đề nghị việc bồi thường, không giải quyết trong vụ án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 4 điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54 BLHS 2015. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội: **Cố ý gây thương tích.**

- Xử phạt: Phạm Văn T 05 (Năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 25/3/2018.

2. Về dân sự của vụ án: Căn cứ điều 584, 585 BLDS: Chấp nhận việc gia đình bị cáo và những người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại, các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Chấp nhận việc người có QLNVLQ không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại hoặc có nghĩa vụ với khoản tiền đã thực hiện bồi thường cho những người bị hại.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại anh Hà Công S: 01 chiếc áo sơ mi trên phần bên phải phía trước có 01 vết rách sắc nhọn chéch chéo dài 03cm cách cạp dưới áo bên phải 17cm.

+ Trả lại anh Vì Văn Q 01 chiếc áo phông trên thân áo phía trước có 03 vết rách sắc nhọn, chéch chéo: Vết thứ nhất dài 03cm, cách cạp áo 25cm, cách bên phải áo 14cm, vết thứ hai dài 02cm, cách cạp áo dài 11cm, cách bên phải áo 23cm, vết thứ 3 dài 2,6cm, cách cạp áo 07cm, cách bên phải áo 22,5cm.

+ Trả lại anh Đinh Công Tr 01 chiếc áo len màu đỏ mận trên thân áo có 01 vết rách sắc nhọn dài 03cm, cách cạp áo 09 cm, cách bên phải áo 26cm.

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 67/BBVC ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH.

Trả lại ngay bị cáo 01 giấy phép lái xe số 140155010120 mang tên Phạm Văn T, do Sở GTVT tỉnh S La cấp.

Chấp nhận việc CQĐT đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vì Văn Q, Hà Công S, Lò Văn Tr.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 điều 23 **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo**

phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại Hà Công S, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo; Những bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Lưu HS.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa

Hội thẩm nhân dân

Mùi Văn Huấn

Nguyễn Đăng Quang

Tráng A Lừ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này Đ soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này Đ sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án Đ xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay Đ xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) Tr hợp vụ án Đ xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Tr hợp vụ án Đ xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án Đ xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án Đ xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn Đ coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật

lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa Đ xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã Đ xóa. Tr hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày Đ cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo Đ bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn X thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Tr hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung Đ quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung Đ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn Đ đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng Tr hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung Đ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án Đ thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)